

**Công Ty TNHH Chứng Khoán RHB Việt Nam**  
RHB Securities Vietnam Company Limited

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN RHB VIỆT NAM**

**Cho năm tài chính 2021**

**Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2022**

<b>I. THÔNG TIN CHUNG.....</b>	<b>3</b>
1. Thông tin chung.....	3
2. Ngành nghề và địa điểm kinh doanh .....	4
3. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	4
4. Định hướng phát triển.....	6
5. Các rủi ro.....	6
<b>II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM .....</b>	<b>8</b>
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh .....	8
2. Tổ chức và nhân sự .....	9
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	11
4. Tình hình tài chính .....	12
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn chủ sở hữu.....	13
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.....	13
<b>III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC.....</b>	<b>15</b>
1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh .....	15
2. Tình hình tài chính.....	16
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý.....	16
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	16
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội .....	17
<b>IV. QUẢN TRỊ CÔNG TY .....</b>	<b>18</b>
1. Hội đồng Thành viên .....	18
2. Ban Kiểm soát .....	22
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Thành viên, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.....	22
<b>V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH .....</b>	<b>22</b>
1. Ý kiến kiểm toán.....	22
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	23

## **I. THÔNG TIN CHUNG**

### **1. Thông tin chung**

#### **Tổng quan**

Tên giao dịch: Công ty TNHH Chứng khoán RHB Việt Nam (tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam)

Giấy phép đăng ký kinh doanh số: 0103014784 ngày 27 tháng 11 năm 2006 cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội.

Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 126/GP-UBCK ngày 29 tháng 1 năm 2019 cấp bởi Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước về việc thay đổi tên từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam thành Công ty TNHH Chứng khoán RHB Việt Nam và chuyển đổi loại hình kinh doanh từ công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Vốn điều lệ: 135.000.000.000 đồng

Vốn chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 171.966.327.856 đồng

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà IDMC Mỹ Đình, 15 đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Số điện thoại: 024.39446066

Fax: 024.39446070

Website: [www.rhbsecurities.vn](http://www.rhbsecurities.vn)

#### **Quá trình thành lập và phát triển**

Công ty TNHH Chứng khoán RHB Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty” hoặc “RHBSVN”) có tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam (“VSEC”) và đã được cấp phép để hoạt động với vai trò là công ty chứng khoán thông qua giấy phép kinh doanh số 21/UBCK-GPHĐKD cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) vào ngày 8 tháng 12 năm 2006.

Vào ngày 20 tháng 1 năm 2009, Ngân hàng Đầu tư RHB, Malaysia (RHBIB) trở thành đối tác chiến lược của VSEC thông qua việc mua lại 49% cổ phần của VSEC.

Vào ngày 14 tháng 10 năm 2010, VSEC được UBCKNN cấp giấy phép hoạt động kinh doanh tự doanh số 356/UBCK-GPHĐKD.

Vào ngày 9 tháng 2 năm 2018, RHBIB ký hợp đồng mua bán để mua lại 51% cổ phần còn lại của VSEC. Sau đó, UBCKNN đã chấp thuận giao dịch này vào ngày 17 tháng 10 năm 2018.

Vào ngày 9 tháng 1 năm 2019, UBCKNN đã phê duyệt việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp của VSEC từ công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Sau đó, vào ngày 29 tháng 1 năm 2019, UBCKNN đã cấp giấy phép thành lập và hoạt động cho VSEC (“Giấy phép mới”) theo hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và chấp thuận việc đổi tên từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam thành Công ty TNHH Chứng khoán RHB Việt Nam.

Vào ngày 19 tháng 2 năm 2019, RHBIB đã hoàn thành thương vụ mua lại sau khi thanh toán khoản tiền mua cổ phần cho các bên bán.

Vào ngày 25 tháng 9 năm 2019, Công ty được cấp Giấy phép điều chỉnh số 55/GPĐC-UBCK về việc thay đổi Người đại diện theo pháp luật là ông Ng Weng Seng.

Vào ngày 19 tháng 2 năm 2020, Công ty được cấp Giấy phép điều chỉnh số 10/GPĐC-UBCK về việc chuyển địa chỉ Trụ sở chính sang Tầng 15, Tòa nhà IMDC Mỹ Đình, 15 đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Vào ngày 10 tháng 9 năm 2020, Công ty được cấp Giấy phép điều chỉnh số 59/GPĐC-UBCK về việc thay đổi Người đại diện theo pháp luật là ông Lee Ming How.

## **2. Ngành nghề và địa điểm kinh doanh**

Công ty TNHH Chứng khoán RHB Việt Nam được cấp phép thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh sau:

- a. Môi giới chứng khoán
- b. Tự doanh chứng khoán
- c. Tư vấn đầu tư chứng khoán

Công ty cũng được cấp phép thực hiện hoạt động lưu ký chứng khoán.

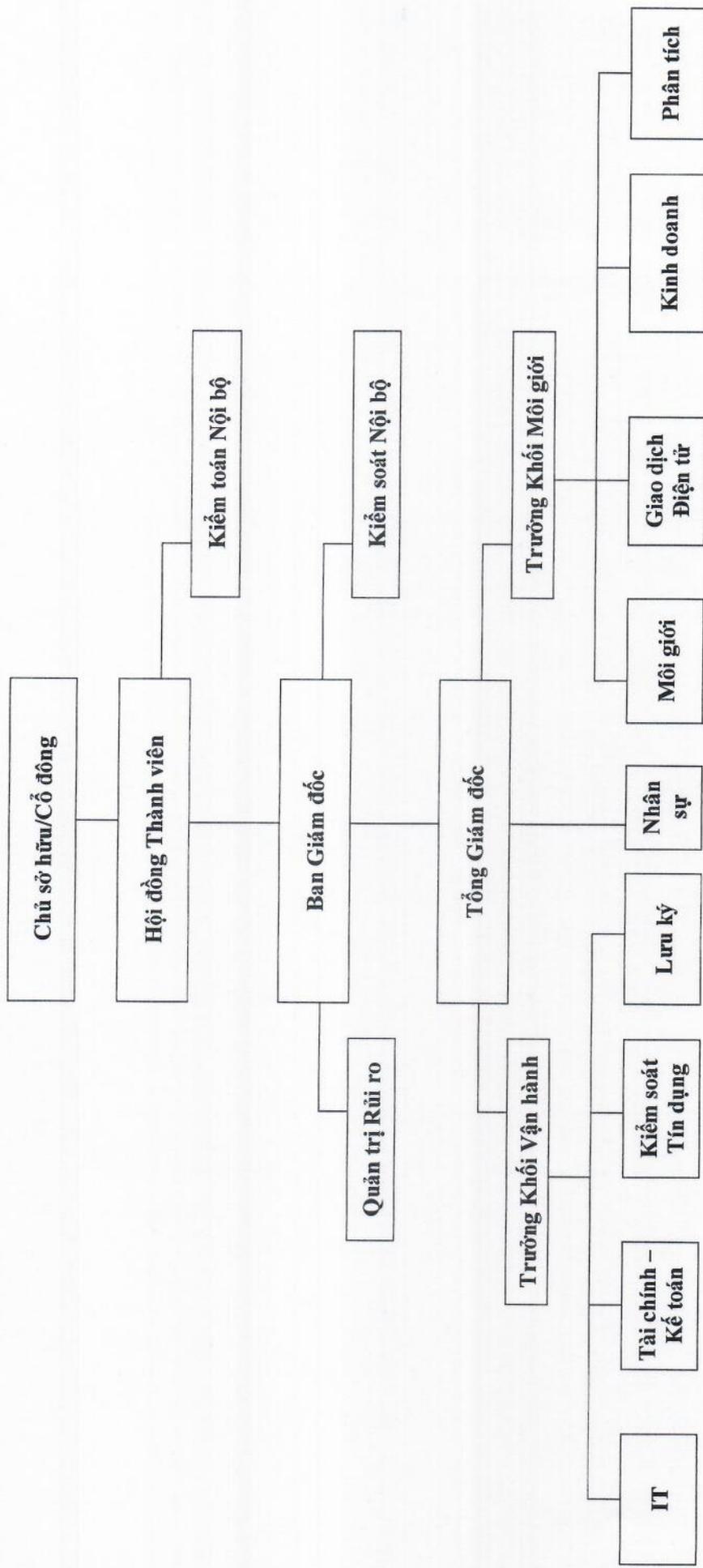
Ngoài ra, Công ty bắt đầu cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ chứng khoán và ứng trước tiền bán chứng khoán lần lượt vào tháng 6 và tháng 8 năm 2021.

Địa bàn kinh doanh: Hà Nội, Việt Nam.

## **3. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

- a. Mô hình quản trị:  
Trước ngày 30/12/2021: Hội đồng Thành viên, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Tổng Giám đốc  
Từ ngày 30/12/2021: Hội đồng Thành viên, Ban Giám đốc và Tổng Giám đốc
- b. Cơ cấu tổ bộ máy quản lý: Theo sơ đồ tổ chức bên dưới.
- c. Công ty con, công ty liên kết: Không có.

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN RHB**  
**ĐƯỢC SỞ HỮU TOÀN BỘ BỞI NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ RHB, MALAYSIA**  
**(TẠI NGÀY 31/12/2021)**



#### **4. Định hướng phát triển**

*- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty*

Phấn đấu trở thành công ty chứng khoán số hàng đầu ở Việt Nam và tăng trưởng lợi nhuận hoạt động một cách bền vững trong mọi lĩnh vực kinh doanh.

*- Chiến lược phát triển trung và dài hạn*

1. Phát triển kinh doanh môi giới chứng khoán bằng cách thúc đẩy mạnh mẽ phương thức giao dịch trực tuyến thông qua chiến lược hiệu quả về chi phí và chuyển đổi kỹ thuật số.
  - i) Thành lập bộ phận giao dịch điện tử để thu hút phân khúc khách hàng trẻ, có mức thu nhập trung bình thông qua kết nối, tương tác trên nền tảng mạng xã hội
  - ii) Phát triển đội ngũ nhân viên kinh doanh, chiêu mộ các tài năng trẻ nhằm tăng trưởng kinh doanh từ hoạt động môi giới chứng khoán và giao dịch ký quỹ
  - iii) Thúc đẩy các sáng kiến số hướng tới nền tảng giao dịch được số hóa hoàn toàn và mạnh mẽ
  - iv) Tăng trưởng thận trọng từ doanh thu hoạt động giao dịch ký quỹ và triển khai các chương trình khuyến mãi hấp dẫn để mở rộng quy mô khách hàng
  - v) Cải thiện chất lượng Dịch vụ Tư vấn Đầu tư bằng việc thành lập nhóm phân tích chuyên môn để cung cấp thông tin cập nhật mới nhất về thị trường và khuyến nghị đầu tư cổ phiếu.
2. Thành lập văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh nhằm phát triển kinh doanh giao dịch trực tuyến.

*- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty*

Thúc đẩy phát triển bền vững và sự phát triển bền vững của doanh nghiệp và hỗ trợ tích cực quá trình chuyển đổi hướng tới nền kinh tế xanh, ngành công nghiệp xanh.

#### **5. Các rủi ro**

Công ty kiểm soát các rủi ro thông qua một quy trình nhận diện, đo lường và kiểm soát liên tục, tùy thuộc vào giới hạn và các biện pháp kiểm soát. Các loại rủi ro chính đối với Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động và rủi ro thanh khoản.

##### **5.1. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường của công ty phát sinh chủ yếu từ tiền gửi tại ngân hàng. Lãi suất tiền gửi tuân theo quy định của các ngân hàng nên không thể dự đoán trước. Lãi suất hiện giảm từ trên 7% (đối với thời hạn 24 hoặc 12 tháng) xuống còn 4,7% - 5,15% (đối với thời hạn 12 tháng). Điều đó khiến cho thu nhập từ lãi tiền gửi bị giảm xuống và ảnh hưởng bất lợi đến nguồn doanh thu của Công ty.

Công ty có các khoản tiền gửi tại ngân hàng với kỳ hạn hạn thấp nhất là 12 tháng và không chọn các kỳ hạn khác ngắn hơn nhằm giảm bớt tác động do lãi suất biến động và lựa chọn các ngân hàng uy tín có lãi suất ít biến động và xếp hạng tín nhiệm cao.

##### **5.2. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng của Công ty phát sinh từ hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán và các khoản đầu tư vào tiền gửi ngân hàng.

Công ty bắt đầu cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng trong năm 2021. Tài khoản giao dịch ký quỹ duy trì vị thế tốt và không có khoản lỗ không đảm bảo. Các tỷ lệ

ký quỹ được theo dõi chặt chẽ bởi bộ phận kiểm soát tín dụng. Đối với dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán, các khoản ứng trước cho khách hàng được hoàn trả (thu hồi) đúng hạn và cũng được kiểm soát chặt chẽ bởi bộ phận kiểm soát tín dụng.

Ngoài ra có thể gặp phải rủi ro khi ngân hàng bị vỡ nợ do nguồn vốn của công ty được gửi ở ngân hàng dưới dạng tiền gửi có kỳ hạn. Để giảm thiểu rủi ro này, tiêu chí quan trọng trong việc chọn lựa ngân hàng đó chính là xếp hạng tín dụng của họ. Chính vì vậy, Công ty đã gửi nguồn vốn vào các ngân hàng đáng tin cậy.

### **5.3. Rủi ro hoạt động**

Rủi ro hoạt động tiềm ẩn phát sinh từ lỗi giao dịch của nhân viên được xem như một phần của các hoạt động chứng khoán. Xét ở mức độ rộng thì việc này có thể giảm thiểu bởi thực tế là tất cả các nhân viên môi giới được yêu cầu phải tuân theo các hướng dẫn khi nhận lệnh từ phía khách hàng hoặc hướng dẫn cho các dịch vụ khác.

Tương tự, để chuyên tiền của khách hàng có trong tài khoản ngân hàng tương ứng, các nhân viên đều phải tuân theo các hướng dẫn và Ma trận Thẩm quyền Phê duyệt.

Bên cạnh đó, hệ thống giao dịch và kế toán kết hợp với hình thức giám sát người làm – người kiểm soát (maker – checker) cũng góp phần giảm thiểu sai sót.

Để phát hiện sai sót sớm, khâu kiểm tra cuối ngày giao dịch sẽ được thực hiện bởi nhân viên được chỉ định đối với tất cả giao dịch với khối lượng giao dịch nhỏ.

### **5.4 Rủi ro thanh khoản**

RHBSVN tiếp tục đảm bảo việc quản lý thanh khoản phù hợp theo các hướng dẫn đã ban hành.

Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty tại ngày 31/12/2021 đạt 573,45%, cao hơn mức quy định 180% của UBCKNN và do đó rủi ro này là không đáng kể đối với Công ty.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

	2021 VNĐ	2020 VNĐ
<b>I DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>		
Lãi từ các khoản đầu tư HTM	8.119.800.501	12.238.322.631
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	111.537.285	-
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	374.323.007	62.608.943
Thu nhập hoạt động khác	408.727	20.257.184
<b>Tổng doanh thu hoạt động</b>	<b>8.606.069.520</b>	<b>12.321.188.758</b>
<b>II CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>		
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	(3.465.681.267)	(1.624.657.637)
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	(2.519.107)	(9.062.145)
Chi phí các dịch vụ khác	(1.445.611.771)	(1.110.650.341)
<b>Tổng chi phí hoạt động</b>	<b>(4.913.812.145)</b>	<b>(2.744.370.123)</b>
<b>III DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.663.679	11.706.700
<b>Tổng doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>15.663.679</b>	<b>11.706.700</b>
<b>IV CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>		
Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	(4.910.722)	(218.542.390)
<b>Tổng chi phí tài chính</b>	<b>(4.910.722)</b>	<b>(218.542.390)</b>
<b>VI CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>	<b>(10.295.041.723)</b>	<b>(15.346.292.134)</b>
<b>VII KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>	<b>(6.592.031.391)</b>	<b>(5.976.309.189)</b>
<b>VIII THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>		
Thu nhập khác	29.833.321	55.312.177
Chi phí khác	(4.031.235)	(1.552.830)
<b>Tổng kết quả hoạt động khác</b>	<b>25.802.086</b>	<b>53.759.347</b>
<b>IX TỔNG LỖ KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>	<b>(6.566.229.305)</b>	<b>(5.922.549.842)</b>
Lỗ đã thực hiện	(6.566.229.305)	(5.922.549.842)
<b>X CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP</b>		
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
<b>XI LỖ KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>	<b>(6.566.229.305)</b>	<b>(5.922.549.842)</b>

Năm 2021, Công ty ghi nhận mức lỗ sau thuế là 6,5 tỷ đồng chủ yếu do thu nhập từ lãi tiền gửi ngân hàng giảm 33,6%. Thu nhập từ lãi tiền gửi chiếm tới hơn 95% tổng doanh thu trong năm 2021.

Công ty đã thực hiện các giải pháp chủ chốt sau nhằm xây dựng nền tảng chuẩn bị cho giai đoạn phát triển tiếp theo:

- Mở rộng đội ngũ nhân viên kinh doanh và nhân viên marketing;
- Số hóa quy trình mở tài khoản giao dịch chứng khoán trực tuyến theo phương thức eKYC và quy trình thanh toán
- Cải tiến nền tảng giao dịch trên website và ứng dụng di động

## 2. Tổ chức và nhân sự

- Hội đồng Thành viên và Nhân sự Quản lý

### Hội đồng Thành viên (“HĐTV”)

Họ và tên/Chức danh đầu kỳ	Họ và tên/Chức danh cuối kỳ	Ngày được bổ nhiệm
1. Chan Kong Ming/ Chủ tịch HĐTV	1. Syed Ahmad Taufik Albar/Chủ tịch HĐTV	07/06/2021
2. Tan Kheak Geai/Thành viên HĐTV	2. Chan Kong Ming /Thành viên HĐTV	19/10/2020
3. Lee Ming How/ Thành viên HĐTV	3. Tan Kheak Geai/Thành viên HĐTV	29/01/2019
	4. Lee Ming How/ Thành viên HĐT	01/01/2020

### Nhân sự quản lý

- **Ông Lee Ming How: Tổng Giám đốc/ Người đại diện theo pháp luật**  
 Năm sinh: 1974  
 Tốt nghiệp Đại học Hertfordshire  
 Quá trình làm việc: làm việc tại Tập đoàn RHB Banking từ năm 2002  
 Được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc từ ngày 10/09/2020.
- **Bà Đỗ Thị Phương Lan: Kế toán trưởng**  
 Năm sinh: 1976  
 Tốt nghiệp Đại học Thương mại  
 Quá trình làm việc: làm việc tại công ty từ năm 2008  
 Được bổ nhiệm làm Kế toán trưởng vào 02/03/2018.
- **Ông Nguyễn Cường Việt : Trưởng phòng Công nghệ Thông tin**  
 Năm sinh: 1983  
 Tốt nghiệp Đại học Kinh tế quốc dân - Thạc sĩ Quản trị kinh doanh  
 Quá trình làm việc: làm việc tại công ty từ năm 2021  
 Được bổ nhiệm làm Trưởng phòng Công nghệ Thông tin vào 06/09/2021.
- **Bà Đặng Thị Thu Nga: Trưởng phòng Nhân sự**  
 Năm sinh: 1981  
 Tốt nghiệp Đại học Luật Hà Nội  
 Quá trình làm việc: làm việc tại công ty từ năm 2009  
 Được bổ nhiệm làm Trưởng phòng Nhân sự vào 01/12/2009.

- **Ông Nguyễn Đức Minh: Trưởng phòng Kiểm soát Tín dụng**  
 Năm sinh: 1982  
 Tốt nghiệp Đại học Bách Khoa Hà Nội – Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh  
 Quá trình làm việc: làm việc tại công ty từ năm 2020  
 Được bổ nhiệm làm Trưởng phòng Kiểm soát Tín dụng vào 16/11/2020.
- **Ông Mai Duy Long: Trưởng phòng Môi giới**  
 Năm sinh: 1982  
 Tốt nghiệp Đại học Miramar California– Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh  
 Quá trình làm việc: làm việc tại công ty từ năm 2013  
 Được bổ nhiệm làm Trưởng phòng Môi giới vào 08/04/2013.
- **Ông Lưu Quang Minh: Trưởng phòng Marketing**  
 Năm sinh: 1991  
 Tốt nghiệp Đại học London Metropolitan\_ Thạc sĩ Tài chính  
 Quá trình làm việc: làm việc tại công ty từ năm 2021  
 Được bổ nhiệm làm Trưởng phòng Marketing vào 17/05/2021.
- **Bà Trần Huệ Anh: Trưởng phòng Quản trị Rủi ro**  
 Năm sinh: 1995  
 Tốt nghiệp Đại học Gloucestershire, Anh – Thạc sĩ Tài chính Kế toán.  
 Quá trình làm việc: làm việc tại công ty từ năm 2021  
 Được bổ nhiệm làm Trưởng phòng Quản trị Rủi ro vào 13/09/2021.

- Những thay đổi trong Hội đồng Thành viên và Nhân sự quản lý

- Chủ tịch Hội đồng Thành viên đương nhiệm được bổ nhiệm mới vào ngày 07/06/2021, do đó số thành viên trong Hội đồng Thành viên đã tăng lên 4 người trong năm 2021.
- Trưởng phòng Công nghệ Thông tin và Trưởng phòng Quản trị Rủi ro bắt đầu làm việc tại Công ty từ năm 2021 để thay thế nhân viên cũ đã nghỉ việc. Trưởng phòng Marketing là vị trí tuyển dụng mới.

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động  
 Tính đến ngày 31/12/2021, Công ty có 26 nhân viên.

### **Quản lý nhân sự**

Với phương châm con người là nguồn lực cốt lõi của công ty, Công ty chú trọng vào các hoạt động văn hóa doanh nghiệp và phát triển nguồn lực nội bộ như đào tạo chuyên sâu, rà soát và điều chỉnh cơ chế đãi ngộ theo năng lực và thành tích, xây dựng chế độ lương thưởng thỏa đáng để đảm bảo công bằng, cạnh tranh với các tổ chức trên thị trường và thu hút nhân sự tốt cho RHBSVN.

### **Chính sách tuyển dụng**

Công ty đã xây dựng quy trình tuyển dụng nhân sự chuẩn hóa để đảm bảo việc tuyển dụng sẽ tuyển chọn đúng người cho đúng yêu cầu công việc, đảm bảo nguyên tắc minh bạch, công bằng, chính xác và tuân thủ chặt chẽ quy trình để tăng tỷ lệ nhân sự chất lượng sau thời gian thử việc:

1. Việc tuyển dụng nhân viên (bao gồm cả nhân viên chính thức/tạm thời/thời vụ) phải căn cứ vào nhu cầu hoạt động và kinh doanh của công ty và đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật như số lượng chứng chỉ hành nghề môi giới và phân tích tài chính tối thiểu.
2. Nhân viên mới cần đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm và bằng cấp liên quan khi được tuyển dụng vào Công ty.
3. Khi không thực hiện tuyển dụng nội bộ cho vị trí trống, tuyển dụng từ nhân sự bên ngoài phải tuân theo chính sách phê duyệt của phòng Nhân sự.

### **Chính sách đào tạo**

Các hoạt động đào tạo tại Công ty được thực hiện dưới nhiều phương thức: bao gồm đào tạo trực tiếp theo công việc, đào tạo qua hệ thống đào tạo trực tuyến, các khóa đào tạo nghiệp vụ. Đảm bảo cho nhân viên được trang bị các kiến thức và kỹ năng chuyên môn cập nhật nhằm nâng cao hiệu quả công việc và khả năng thích ứng tốt, đặc biệt trong bối cảnh bùng phát đại dịch luôn là mối quan tâm hàng đầu của Ban lãnh đạo.

### **Chế độ lương, thưởng cho nhân viên**

Công ty có chính sách chi trả lương, thưởng cho nhân viên trên cơ sở công bằng và có tính cạnh tranh so với các công ty đối thủ trong thị trường lao động. Bên cạnh đó, Công ty thực hiện đánh giá hiệu suất làm việc định kỳ hai lần trong năm: vào thời điểm giữa năm và cuối năm để đánh giá thực hiện công việc và đưa ra sự hỗ trợ kịp thời, cần thiết.

### **3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

#### **a) Các khoản đầu tư lớn**

Công ty không có khoản đầu tư lớn trong năm 2021 mà tập trung vào triển khai dự án thay đổi hệ thống giao dịch (trên nền tảng website và ứng dụng di động) cho khách hàng và hệ thống back-office.

#### **Dự án triển khai hệ thống giao dịch mới**

Dự án triển khai hệ thống giao dịch mới (trên nền tảng website và ứng dụng di động) đã chính thức triển khai vào tháng 10/2020 và bao gồm hai giai đoạn. Dự án đã hoàn thành với các hạng mục bàn giao từ nhà cung cấp vào tháng 9/2021.

#### **b) Công ty con, công ty liên kết**

Công ty không có bất kỳ công ty con hay công ty liên kết nào.

#### 4. Tình hình tài chính

##### 4.1. Tình hình tài chính theo Bảng cân đối kế toán

STT	Chỉ tiêu	2021 VND	2020 VND	Variance %
1	Tổng tài sản	174.027.019.967	183.421.844.603	-5,12%
2	Tổng nợ phải trả	2.060.692.111	4.889.287.442	-57,85%
3	Tổng doanh thu	8.651.566.520	12.388.207.635	-30,16%
4	Tổng chi phí	15.217.795.825	18.310.757.477	-16,89%
5	Lợi nhuận kế toán trước thuế	(6.566.229.305)	(5.922.549.842)	10,87%
6	Lợi nhuận kế toán sau thuế	(6.566.229.305)	(5.922.549.842)	10,87%

##### 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	2021 VND	2020 VND	Ghi chú
<b>1. Quy mô vốn</b>			
- Vốn điều lệ	135.000.000.000	135.000.000.000	
- Tổng tài sản	174.027.019.967	183.421.844.603	
- Tỷ lệ an toàn vốn	573,45%	569,72%	
<b>2. Kết quả hoạt động kinh doanh</b>	<b>Không</b>	<b>Không</b>	
- Doanh số huy động tiền gửi	Không	Không	Theo quy định, Công ty không nhận tiền gửi bằng tiền mặt
- Doanh số cho vay	111,537,285	Không	Công ty cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ và ứng trước trong năm 2021
- Doanh số thu nợ	Không	Không	Không có nợ tồn đọng
- Nợ quá hạn	Không	Không	Không có nợ tồn đọng
- Nợ khó đòi	Không	Không	Không có nợ tồn đọng
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh	Không	Không	Không có nợ tồn đọng
- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ	Không	Không	Không có nợ tồn đọng
- Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ	Không	Không	Không có nợ tồn đọng
<b>3. Khả năng thanh khoản</b>			
- Khả năng thanh toán ngay	78,2	36	
- Khả năng thanh toán chung	84,4	37,5	

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn chủ sở hữu

a) Cổ phiếu: Không phát hành cổ phiếu/chứng khoán.

b) Thông tin của Chủ sở hữu

Công ty TNHH Chứng khoán RHB Việt Nam là công ty con thuộc sở hữu toàn phần của Ngân hàng Đầu tư RHB có trụ sở tại Malaysia.

Chủ sở hữu tại ngày 31/12/2021	Nơi thành lập	% Vốn điều lệ	Ngày hiệu lực
Ngân hàng Đầu tư RHB	Malaysia	100	29/1/2019

c) Thay đổi vốn điều lệ: Không thay đổi trong năm 2021.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e) Các chứng khoán khác: Không có.

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

### 6.1. Tác động lên môi trường

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: phát thải khí nhà kính chỉ liên quan đến tiêu thụ điện và xăng.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không có.

### 6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Không áp dụng.

Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không áp dụng.

### 6.3. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Hóa đơn tiêu thụ điện của Công ty trong năm 2021 xấp xỉ 284 triệu đồng.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: các sáng kiến tiết kiệm năng lượng điện và nước thường xuyên được vận động, quảng bá tại văn phòng làm việc. Nhân viên được khuyến khích sáng tạo và thực hiện các ý tưởng hướng tới kinh doanh bền vững.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có.

### 6.4. Tiêu thụ nước

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Thông tin không có sẵn do nguồn nước sạch sử dụng tại Văn phòng do Ban quản lý tòa nhà cung cấp.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có.

#### 6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

#### 6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, tổng mức lương của người lao động

Tính đến ngày 31/12/2021, Công ty có 26 nhân viên (31/12/2020: 22 nhân viên) với tổng chi phí lương và các khoản chi theo lương như sau:

	2021 VND	2020 VND
Chi phí lương và các khoản chi theo lương	9.128.110.584	12.989.548.296

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Hàng năm, Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho nhân viên và tất cả nhân viên đều được hưởng chính sách bảo hiểm và đóng góp phúc lợi theo quy định. Công ty có thành lập công đoàn với 100% nhân viên gia nhập và thường xuyên tổ chức các sự kiện để gắn kết tập thể.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Theo định kỳ, Công ty tổ chức các khóa đào tạo chính thức về chính sách và quy trình, bao gồm cả các khóa học trực tuyến bắt buộc (“E-Learning”) để nâng cao kiến thức và kỹ năng cho nhân viên. Năm 2021, phòng Kiểm soát Nội bộ và Quản trị Rủi ro cùng với Bộ phận Tuân thủ Vùng của Tập đoàn RHB tổ chức các khóa đào tạo nội bộ thông qua hình thức trực tuyến cho toàn bộ nhân viên về các chủ đề Thao túng thị trường, Quản lý rủi ro, Phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố, Đạo đức nghề nghiệp và Hành vi tổ giác.

Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm đối với nhân viên hiện tại và nhân viên mới:

STT	Phân loại	Loại hình đào tạo	Số lượng khóa học	Số giờ học/năm
1	Nhân viên hiện tại	Đào tạo tập trung	2	03 tiếng
		Học trực tuyến bắt buộc	2	07 tiếng
2	Nhân viên mới (Gia nhập năm 2021)	Đào tạo tập trung	2	03 tiếng
		Học trực tuyến bắt buộc	9	10 tiếng

Trong lộ trình phát triển cho nhân viên, Công ty khuyến khích nhân viên tích cực tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ bên ngoài về chứng khoán/nghiệp vụ với các chính sách tài trợ hấp dẫn.

#### 6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Không có.

Chỉ tiêu VND	Thực tế	Dự toán	Giá trị	Chênh lệch (%)	Thực tế
	2021 VND (Đã kiểm toán)	2021			2020 VND (Đã kiểm toán)
	1	2	3=1-2	4=3/2	
Thu nhập từ lãi tiền gửi	8.119.800.501	5.627.313.100	2.492.487.401	44,29%	12.250.029.331
Thu nhập ngoài lãi	531.766.019	16.918.614.870	-16.386.848.851	-96,86%	138.178.304
Phí môi giới	374.323.007	11.278.952.681	-10.904.629.674	-96,68%	62.608.943
Thu nhập từ CVKQ	111.537.285	5.639.662.189	-5.528.124.904	-98,02%	-
Thu nhập khác	45.905.727	-	-	-	75.569.361
<b>Tổng thu nhập</b>	<b>8.651.566.520</b>	<b>22.545.927.970</b>	<b>-13.894.361.450</b>	<b>-61,63%</b>	
Chi phí nhân sự	-9.319.123.748	-13.855.976.647	4.536.852.899	-32,74%	-12.989.548.296
Chi phí vận hành	-2.390.950.336	-4.104.555.979	1.713.605.643	-41,75%	-1.060.207.492
Chi phí marketing	-278.506.231	-1.795.120.928	1.516.614.697	-84,49%	-675.218.673
Chi phí quản lý chung	-2.065.763.238	-1.902.329.482	-163.433.756	8,59%	-2.472.669.697
Các chi phí hoạt động khác	-1.163.452.272	-841.278.527	-322.173.745	38,30%	-1.113.113.319
<b>Tổng chi phí</b>	<b>-15.217.795.825</b>	<b>-22.499.261.563</b>	<b>7.281.465.738</b>	<b>-32,36%</b>	<b>-18.310.757.477</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>-6.566.229.305</b>	<b>46.666.407</b>	<b>-6.612.895.712</b>	<b>14170,57%</b>	<b>-5.922.549.842</b>

**6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:** Không có.

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

##### Kết quả kinh doanh

Năm 2021, Công ty tập trung vào thay đổi hệ thống giao dịch core mới cùng với triển khai ứng dụng di động mới và cung cấp hai dịch vụ mới tới khách hàng và tuyển dụng đội ngũ nhân viên kinh doanh để đẩy mạnh tăng trưởng doanh thu.

- Năm 2021, Công ty ghi nhận mức lỗ là 6,5 tỷ đồng so với lợi nhuận dự toán là 46.7 triệu đồng. Nguyên nhân chủ yếu là do giảm thu nhập từ lãi tiền gửi tại ngân hàng và tăng chi phí hoạt động. Mức lỗ tăng từ 5,9 tỷ đồng năm 2020 lên 6,5 tỷ đồng năm 2021, tương đương tăng 10,9%.
- 95% doanh thu của Công ty là lãi tiền gửi từ các khoản tiền gửi có kỳ hạn (nguồn vốn) của Công ty tại các ngân hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm từ 15,3 tỷ đồng năm 2020 xuống còn 10,3 tỷ đồng năm 2021, chủ yếu do giảm về chi phí tiền lương của Ban lãnh đạo.

## 2. Tình hình tài chính

### 2.1. Tình hình tài sản (Đơn vị tính: đồng)

	2021	2020	Chênh lệch (%)
<b>Tổng tài sản</b>	174.027.019.967	183.421.844.603	-5,12%

Tổng tài sản của Công ty giảm 5,12% từ 183,4 tỷ đồng năm 2020 xuống còn 174 tỷ đồng năm 2021.

### 2.2. Tình hình nợ phải trả (Đơn vị tính: đồng)

	2021	2020	Chênh lệch (%)
<b>Tổng nợ phải trả</b>	2.060.692.111	4.889.287.442	-57,85%

Tổng nợ phải trả của Công ty giảm gần 58% từ 4,9 tỷ đồng năm 2020 xuống còn khoảng 2 tỷ năm 2021.

## 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý

Năm 2021, Công ty tiếp tục thực hiện áp dụng các quy trình, chính sách từ Tập đoàn RHB để tuân thủ chuẩn mực chung của Tập đoàn RHB, đồng thời thường xuyên tạo điều kiện cải thiện hiệu suất làm việc của nhân viên và hiệu quả hoạt động nhằm mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và tăng trưởng trong tương lai.

Công ty cũng đã hoàn thành việc xây dựng các chính sách và quy trình cần thiết trong quý 2/2021 trước khi ra mắt hai sản phẩm mới trên thị trường.

## 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Năm 2022, Công ty đặt trọng tâm vào việc thực hiện mục tiêu sau đây nhằm đặt nền móng vững chắc cho tăng trưởng bền vững cùng cơ cấu quản trị hiệu quả:

1. Phát triển hoạt động môi giới chứng khoán bằng cách thu hút đội ngũ nhân viên kinh doanh và marketing giàu kinh nghiệm và khuyến khích khách hàng sử dụng giao dịch trực tuyến;
2. Đẩy mạnh tăng trưởng doanh thu từ dịch vụ cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán.
3. Nắm bắt cơ hội thực hiện thương vụ quốc tế thông qua nâng cao mức độ nhận thức về sự hiện diện của RHBIB trong khu vực;
4. Nâng cao năng lực quản lý, kỹ năng của nhân viên hành nghề và quy chuẩn đạo đức dựa trên đào tạo liên tục và tuyển thêm nhân sự chuyên môn nếu cần;
5. Tiếp tục cải thiện những thông lệ quản trị rủi ro và quản trị doanh nghiệp để phù hợp với thông lệ của Tập đoàn RHB và áp dụng những thông lệ thị trường tốt nhất nếu cần;
6. Quảng bá hình ảnh và danh tiếng của Công ty bằng cách tăng cường hoạt động marketing.

## **5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội**

### **a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường**

Công ty đã không ngừng nỗ lực góp phần bảo vệ năng lượng, thực hiện tiết kiệm giấy và nước ở văn phòng làm việc và điều này cũng phù hợp với văn hóa chung của tập đoàn RHB.

Năm 2021, mục tiêu bảo vệ môi trường của Công ty luôn gắn liền với mọi hoạt động nội bộ của công ty như: Chương trình tiết kiệm năng lượng, hạn chế sử dụng năng lượng và sử dụng vật liệu tối giản giúp nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, khơi gợi tình yêu thiên nhiên. Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đầu tư - tài chính - chứng khoán, tác động trực tiếp của RHBSVN đến môi trường là không đáng kể. Năm 2021, Công ty thúc đẩy quá trình giao dịch hoạt động kỹ thuật số giúp giảm đáng kể khối lượng tài liệu phải in, từ đó giảm chi phí mực in cũng như khối lượng rác thải ra môi trường.

Nước được sử dụng tại RHBSVN cho các mục đích chính như nước uống, vệ sinh v.v. Nhân viên của Công ty luôn nhận thức được tầm quan trọng của nguồn tài nguyên này và cố gắng tiết kiệm nước.

### **b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động**

Nội bộ Công ty không phát sinh vấn đề nghiêm trọng nào. Công ty luôn tạo mọi điều kiện, quan tâm tới người lao động thông qua chính sách khen thưởng, cải thiện môi trường làm việc, cơ hội thăng tiến nghề nghiệp và nâng cao kỹ năng và tri thức.

Ban lãnh đạo Công ty luôn khuyến khích nhân viên chủ động chia sẻ những băn khoăn hay vướng mắc gặp phải. Đồng thời, Công ty có cơ chế báo cáo trực tiếp từ các Trưởng bộ phận, phòng ban lên nhân sự chủ quản ở Trụ sở chính (RHBIB). Do đó, các vấn đề sẽ được cập nhật trực tiếp tới nhân sự cấp cao tại Công ty mẹ. Hơn nữa, nhân viên liên tục có cơ hội nâng cao kiến thức và tiếp cận các thông lệ và văn hóa làm việc tại Tập đoàn RHB. Nhờ vậy, Công ty luôn đảm bảo sự thống nhất trong việc tuân theo các tiêu chuẩn từ Tập đoàn RHB.

### **c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương**

RHBSVN tin tưởng rằng một doanh nghiệp có trách nhiệm là doanh nghiệp sẵn sàng hỗ trợ cộng đồng ở nơi mà doanh nghiệp đó hoạt động. Đó cũng là một doanh nghiệp thực hiện các hoạt động kinh doanh một cách có trách nhiệm.

Hướng tới mục tiêu trở thành một trong những công ty chứng khoán dẫn đầu tại Việt Nam, RHBSVN luôn có những cân nhắc kỹ lưỡng trước các tác động về xã hội, kinh tế và môi trường trước khi đưa ra quyết định kinh doanh.

Với trách nhiệm cam kết đó, Công ty hướng tới mục tiêu hoạt động bền vững, đồng thời đảm bảo rằng các giải pháp sẽ có tác động tích cực đến tất cả các bên liên quan, bao gồm cổ đông, nhân viên, khách hàng, đối tác và cộng đồng.

#### IV. QUẢN TRỊ CÔNG TY

##### 1. Hội đồng Thành viên

###### 1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Thành viên (“HĐTV”)

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
1	Syed Ahmad Taufik Albar	Chủ tịch HĐTV	Bổ nhiệm ngày 07/06/2021
2	Chan Kong Ming	Thành viên HĐTV	Bổ nhiệm ngày 19/10/2020
3	Tan Kheak Geai	Thành viên HĐTV	Bổ nhiệm ngày 29/01/2019
4	Lee Ming How	Thành viên HĐTV	Bổ nhiệm ngày 01/01/2020

###### 1.2. Các Tiểu ban thuộc Hội đồng Thành viên: Không có.

###### 1.3. Hoạt động của Hội đồng Thành viên:

Hội đồng Thành viên đã triệu tập bốn cuộc họp trong năm 2021 với sự tham dự 100% của tất cả Thành viên. Các Nghị quyết của Hội đồng Thành viên được thông qua theo hình thức họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản trong năm 2021 như sau:

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2021/NQHDTV/RHBSVN	25/1/2021	Ủy quyền cho Ông Lee Ming How, Tổng Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật đại diện Chủ tài khoản 02 (hai) Tài khoản Tiền gửi Giao dịch Chứng khoán của Người đầu tư mở tại Ngân hàng Vietcombank và Ngân hàng Techcombank
2	01/2021/NQHDTV/RHBSVN-M	22/2/2021	<ul style="list-style-type: none"><li>Ghi nhận tình hình giải quyết vấn đề phát sinh cước gọi quốc tế gian lận bị tính phí bởi VNPT trong tháng 3/2020</li><li>Thông qua Điều khoản tham chiếu sửa đổi của Ban điều hành (MANCO)/ Ban Giám đốc Công ty</li><li>Ghi nhận các vấn đề kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tình hình hoạt động và tài chính và tình hình thực hiện công việc của phòng IT trong kỳ báo cáo</li><li>Ghi nhận biên bản các cuộc họp của Ban điều hành (MANCO)/ Ban Giám đốc Công ty lần 8/2020, lần 9/2020 và lần 1/2021</li><li>Ủy quyền cho ông Lee Ming How, Daniel – Thành viên Hội đồng Thành viên ở Việt Nam thay mặt Chủ tịch ký vào Biên bản và Nghị quyết cuộc họp được thông qua do tình hình đại dịch Covid-19 toàn cầu</li></ul>

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
3	02/2021/NQHDTV/RHBSVN	4/3/2021	Chi thưởng thành tích/khuyến khích năm 2020 và tăng lương cho nhân viên kể từ tháng 1/2021
4	03/2021/NQHDTV/RHBSVN	12/3/2021	Thông qua Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020
5	04/2021/NQHDTV/RHBSVN	18/3/2021	Phê duyệt mở mới tài khoản phục vụ hoạt động ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán tại Ngân hàng BIDV
6	05/2021/NQHDTV/RHBSVN	2/4/2021	Phê duyệt kế hoạch công việc năm 2021 của Phòng Kiểm soát nội bộ
7	06/2021/NQHDTV/RHBSVN	2/4/2021	Phê duyệt sản phẩm Giao dịch ký quỹ (margin) và phương pháp phân hạng cổ phiếu áp dụng cho sản phẩm Giao dịch ký quỹ (margin)
8	07/2021/NQHDTV/RHBSVN	2/4/2021	Phê duyệt Ma trận thẩm quyền phê duyệt cho phòng Môi giới và Lưu ký sửa đổi lần thứ ba
9	08/2021/NQHDTV/RHBSVN	2/4/2021	Phê duyệt Báo cáo Thường niên năm 2020
10	09/2021/NQHDTV/RHBSVN	28/4/2021	Phê duyệt Tiện ích Ứng trước tiền bán chứng khoán
11	10/2021/NQHDTV/RHBSVN	20/5/2021	Phê duyệt Danh sách những người được ủy quyền ký duyệt các giao dịch ngân hàng
12	02/2021/NQHDTV/RHBSVN-M	11/6/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>Ghi nhận tình hình giải quyết vấn đề phát sinh cước gọi quốc tế gian lận bị tính phí bởi VNPT trong tháng 3/2020</li> <li>Phê duyệt Đề xuất sửa đổi về việc trao quyền cho Ban điều hành (MANCO)/Ban Giám đốc và Lãnh đạo cấp cao của Công ty</li> <li>Phê duyệt chính sách khẩu vị rủi ro năm 2021</li> <li>Phê duyệt đánh giá rủi ro trọng yếu năm 2021</li> <li>Ghi nhận các vấn đề kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tình hình hoạt động và tài chính và tình hình thực hiện công việc của phòng IT trong kỳ báo cáo</li> <li>Ghi nhận Báo cáo kiểm toán nội bộ của Công ty</li> <li>Ghi nhận Biên bản các cuộc họp của Ban điều hành (MANCO)/ Ban Giám đốc Công ty lần 2/2021, lần 3/2021 và lần 4/2021</li> <li>Ủy quyền cho ông Lee Ming How, Thành viên của Hội đồng Thành viên ở Việt Nam thay mặt Chủ tịch ký vào Biên bản và Nghị quyết cuộc họp được thông qua lần này do tình hình đại dịch Covid-19 bùng phát toàn cầu</li> </ul>

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
			<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đồng thuận Đề xuất Sửa đổi Điều lệ Công ty lần 2 để trình lên Chủ sở hữu Công ty</li> </ul>
13	11/2021/NQHDTV/RHBSVN	11/6/2021	Phê duyệt việc mở Tài khoản Tiền gửi Tổng hợp Giao dịch Chứng khoán cho Khách hàng Nước ngoài tại Ngân hàng BIDV
14	12/2021/NQHDTV/RHBSVN	28/6/2021	Thông qua việc tái chỉ định Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam là công ty kiểm toán độc lập báo cáo tài chính cho năm tài chính 2021 của Công ty
15	13/2021/NQHDTV/RHBSVN	30/6/2021	Thông qua Danh sách những người được ủy quyền ký duyệt các giao dịch ngân hàng
16	14/2021/NQHDTV/RHBSVN	13/7/2021	Thông qua Quy trình Quản lý Rủi ro và Kiểm soát Dịch vụ Ứng trước Tiền bán Chứng khoán
17	15/2021/NQHDTV/RHBSVN	3/8/2021	Thông qua việc đóng tài khoản vốn tại Ngân hàng CIMB
18	16/2021/NQHDTV/RHBSVN	14/8/2021	Thông qua Báo cáo tài chính giữa niên độ và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/6/2021 đã được soát xét
19	03/2021/NQHDTV/RHBSVN-M	8/9/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Phê duyệt Phụ lục Hợp đồng cấp quyền sử dụng phần mềm FLEX</li> <li>• Phê duyệt Đề xuất Chương trình ưu đãi cho sản phẩm giao dịch ký quỹ</li> <li>• Phê duyệt Phụ lục Khung Quản trị rủi ro của Tập đoàn áp dụng cho Công ty</li> <li>• Phê duyệt bổ nhiệm Nhân sự Quản trị rủi ro chủ chốt</li> <li>• Tán thành Đề xuất Sửa đổi Điều lệ Công ty lần thứ 2</li> <li>• Ghi nhận báo cáo kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tình hình tài chính, kinh doanh và tình hình thực hiện công việc của phòng IT trong kỳ báo cáo</li> <li>• Ghi nhận Biên bản các cuộc họp của Ban điều hành (MANCO)/ Ban Giám đốc Công ty lần 5/2021, lần 6/2021 và lần 7/2021</li> <li>• Ủy quyền cho ông Lee Ming How, Thành viên của Hội đồng Thành viên ở Việt Nam thay mặt Chủ tịch ký vào Biên bản và Nghị quyết cuộc họp được thông qua lần này do tình hình đại dịch Covid-19 bùng phát toàn cầu</li> </ul>
20	17/2021/NQHDTV/RHBSVN	21/10/2021	Phê duyệt việc tiếp tục bổ nhiệm Tổng Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
21	18/2021/NQHDTV/RHBSVN	19/11/2021	Thông qua việc sử dụng Dịch vụ Ngân hàng Điện tử đối với một số tài khoản ngân hàng mở tại Ngân hàng BIDV, Vietcombank và Techcombank và danh sách những người được ủy quyền thực hiện giao dịch qua Dịch vụ Ngân hàng Điện tử
22	04/2021/NQHDTV/RHBSVN-M	10/12/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Phê duyệt giá thuê văn phòng điều chỉnh từ ngày 1/5/2022</li> <li>• Phê duyệt sửa đổi bán niên đối với Thiết lập Khẩu vị Rủi ro (RAS) năm 2021</li> <li>• Phê duyệt sửa đổi Phương pháp Đánh giá Rủi ro Tuân thủ (CRA)</li> <li>• Phê duyệt gia hạn thời gian hoàn thành Phụ lục đối với Chính sách phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố và Chính sách trừng phạt của Tập đoàn</li> <li>• Ghi nhận báo cáo kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tình hình tài chính, kinh doanh và tình hình thực hiện công việc của phòng IT trong kỳ báo cáo</li> <li>• Thảo luận về kế hoạch thành lập Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh</li> <li>• Ghi nhận Biên bản các cuộc họp của Ban điều hành (MANCO)/ Ban Giám đốc Công ty lần 8/2021, lần 9/2021 và lần 10/2021</li> <li>• Ủy quyền cho ông Lee Ming How, Thành viên của Hội đồng Thành viên ở Việt Nam thay mặt Chủ tịch ký vào Biên bản và Nghị quyết cuộc họp được thông qua lần này do tình hình đại dịch Covid-19 bùng phát toàn cầu</li> </ul>
23	19/2021/NQHDTV/RHBSVN	15/12/2021	Ủy quyền cho Ông Lee Ming How, Tổng Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật của Công ty ký kết các giấy tờ liên quan phục vụ mục đích cập nhật danh sách những người được ủy quyền ký duyệt các giao dịch ngân hàng cho tài khoản mở tại Ngân hàng Vietcombank

1.3 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có.

1.4 Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

## 2. Ban Kiểm soát

### 2.1. Thông tin về Thành viên Ban Kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Tan Boon Ching	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Cáp Thị Thu Hạnh	Thành viên Ban Kiểm soát

### 2.2. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

Trước khi giải thể vào ngày 30/12/2021, Ban Kiểm soát không tổ chức cuộc họp nào trong năm 2021.

## 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Thành viên, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

### 3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

	2021 VND	2020 VND
Lương và quyền lợi gộp của nhân sự quản lý chủ chốt	2.604.737.709	7.555.387.180

3.2 Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có.

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có.

3.4 Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty đã đảm bảo tuân thủ các quy định về quản trị công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định và pháp luật hiện hành cũng như áp dụng các thông lệ quản trị tốt nhất từ Tập đoàn RHB.

## V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. Ý kiến kiểm toán

Trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, Công ty kiểm toán PwC Việt Nam đưa ra ý kiến rằng báo cáo tài chính của RHBSVN đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.

## 2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính, cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được kiểm toán tại ngày 31/12/2021 đã được nộp cho các cơ quan quản lý và công bố trên website của Công ty: [www.rhbsecurities.vn](http://www.rhbsecurities.vn) vào ngày 14/3/2022.

Công ty TNHH Chứng khoán RHB Việt Nam  
Người đại diện theo pháp luật



Lee Ming How

Tổng Giám đốc



**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN RHB VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN RHB VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo về trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật của Công ty đối với báo cáo tài chính	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Báo cáo tình hình tài chính (Mẫu số B01 – CTCK)	5
Báo cáo kết quả hoạt động (Mẫu số B02 – CTCK)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03b – CTCK)	9
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu (Mẫu số B04 – CTCK)	11
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09 – CTCK)	12

## CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN RHB VIỆT NAM

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

#### Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh

Số 0103014784 đề ngày 27 tháng 11 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

#### Giấy phép Thành lập và Hoạt động

Số 21/UBCK-GPHĐKD đề ngày 8 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Giấy phép Thành lập và Hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất số 59/GPĐC-UBCK được cấp ngày 10 tháng 9 năm 2020.

*Tại ngày ký các báo cáo tài chính này:*

#### Hội đồng Thành viên

Ông Syed Ahmad Taufik Albar	Chủ tịch (bổ nhiệm từ ngày 07/06/2021)
Ông Chan Kong Ming	Chủ tịch (miễn nhiệm từ ngày 07/06/2021)
Ông Chan Kong Ming	Thành viên
Ông Tan Kheak Geai	Thành viên
Ông Lee Ming How	Thành viên

#### Tổng Giám đốc

Ông Lee Ming How	Tổng Giám đốc
------------------	---------------

#### Người đại diện theo pháp luật

Ông Lee Ming How	Tổng Giám đốc
------------------	---------------

#### Trụ sở chính

Tầng 15, Tòa nhà IDMC Mỹ Đình, 15 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam.

#### Công ty kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội

## CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN RHB VIỆT NAM

### TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Chứng khoán RHB Việt Nam ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Người đại diện theo pháp luật được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với sự chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính. Người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

### PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 39. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.



Lee Ming How  
Tổng Giám đốc/  
Người đại diện theo pháp luật

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 14 tháng 3 năm 2022



## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CỦA CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN RHB VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Chứng khoán RHB Việt Nam (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2021 và được Người đại diện theo pháp luật của Công ty phê chuẩn ngày 14 tháng 3 năm 2022. Báo cáo tài chính này bao gồm: báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 39.

### **Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Người đại diện theo pháp luật xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Người đại diện theo pháp luật cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.

### Thay mặt và đại diện cho Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội



Trần Hồng Kiên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0298-2018-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

Bùi Phương Hạnh  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
3823-2021-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HAN 2928  
Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2022

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2021 VND	2020 VND
	<b>TÀI SẢN</b>			
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>161.164.836.119</b>	<b>176.067.714.330</b>
<b>110</b>	<b>Tài sản tài chính</b>		<b>160.986.191.950</b>	<b>175.878.807.502</b>
111	Tiền và các khoản tương đương tiền	3.1	11.104.422.485	3.268.719.056
111.1	<i>Tiền</i>		6.604.422.485	3.268.719.056
111.2	<i>Các khoản tương đương tiền</i>		4.500.000.000	-
113	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")	3.2(a)	133.300.000.000	169.849.500.000
114	Các khoản cho vay	3.2(b)	16.141.667.849	-
117	Các khoản phải thu		428.107.836	442.185.788
117.2	<i>Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính</i>		428.107.836	442.185.788
118	Trả trước cho người bán		3.250.000	2.317.130.000
119	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		8.743.780	1.272.658
<b>130</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>178.644.169</b>	<b>188.906.828</b>
131	Tạm ứng		5.200.000	33.200.000
133	Chi phí trả trước ngắn hạn		164.000.353	146.263.012
136	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	3.5(a)	9.443.816	9.443.816
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>12.862.183.848</b>	<b>7.354.130.273</b>
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>11.821.430.198</b>	<b>6.388.638.582</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	3.3(a)	4.000.939.448	4.481.675.246
222	<i>Nguyên giá</i>		10.681.272.804	10.646.760.304
223a	<i>Giá trị khấu hao lũy kế</i>		(6.680.333.356)	(6.165.085.058)
227	Tài sản cố định vô hình	3.3(b)	7.820.490.750	1.906.963.336
228	<i>Nguyên giá</i>		10.467.993.800	3.797.793.800
229a	<i>Giá trị khấu hao lũy kế</i>		(2.647.503.050)	(1.890.830.464)
<b>250</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.040.753.650</b>	<b>965.491.691</b>
251	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		251.479.841	251.479.841
252	Chi phí trả trước dài hạn		440.402.369	369.155.412
254	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	3.4	348.871.440	344.856.438
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>174.027.019.967</b>	<b>183.421.844.603</b>

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 39 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

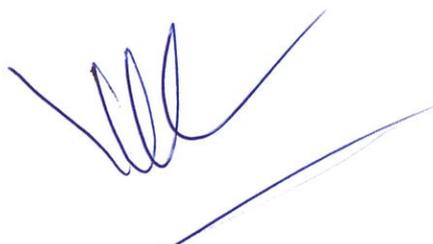
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH  
(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2021 VND	2020 VND
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.060.692.111</b>	<b>4.889.287.442</b>
<b>310</b>	<b>Nợ phải trả ngắn hạn</b>		<b>2.060.692.111</b>	<b>4.889.287.442</b>
318	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		16.359.424	2.048.981
320	Phải trả người bán ngắn hạn		556.410.147	372.399.785
322	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.5(b)	115.181.646	82.019.027
323	Phải trả nhân viên	3.6	1.332.141.249	782.391.304
329	Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	3.7	40.599.645	3.650.428.345
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>171.966.327.856</b>	<b>178.532.557.161</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>171.966.327.856</b>	<b>178.532.557.161</b>
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	3.8	135.000.000.000	135.000.000.000
414	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		2.472.755.351	2.472.755.351
415	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		2.472.755.351	2.472.755.351
417	Lợi nhuận chưa phân phối	3.9	32.020.817.154	38.587.046.459
<b>440</b>	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>174.027.019.967</b>	<b>183.421.844.603</b>

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 39 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2021	2020
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>		<b>Theo số lượng</b>	
002	Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ		121.600	121.600
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>		<b>Theo mệnh giá (VND)</b>	
021	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của nhà đầu tư		30.332.860.000	25.087.630.000
021.1	<i>Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>		29.530.860.000	24.705.430.000
021.5	<i>Tài sản tài chính chờ thanh toán</i>		802.000.000	382.200.000
022	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của nhà đầu tư		56.670.000	1.920.000
022.1	<i>Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng</i>		56.670.000	1.920.000
023	Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư		1.394.000.000	-
025	Tài sản tài chính được hưởng quyền của nhà đầu tư		253.180.000	-
026	Tiền gửi của khách hàng		6.769.226.370	1.562.308.614
027	<i>Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý</i>		5.544.569.370	1.445.560.614
028	<i>Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng</i>		1.224.657.000	116.748.000
031	Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		6.767.106.534	1.560.198.778
031.1	<i>Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý</i>		6.767.106.534	1.560.198.778
035	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		2.119.836	2.109.836



Đỗ Thị Phương Lan  
Người lập/  
Kế toán trưởng



Lee Ming How  
Tổng Giám đốc/  
Người đại diện theo pháp luật  
Ngày 14 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 39 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2021 VND	2020 VND
	<b>DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>			
02	Lãi từ các khoản đầu tư HTM		8.119.800.501	12.238.322.631
03	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu		111.537.285	-
06	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		374.323.007	62.608.943
11	Thu nhập hoạt động khác		408.727	20.257.184
20	<b>TỔNG DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>		<b>8.606.069.520</b>	<b>12.321.188.758</b>
	<b>CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>			
27	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		(3.465.681.267)	(1.624.657.637)
30	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		(2.519.107)	(9.062.145)
32	Chi phí các dịch vụ khác		(1.445.611.771)	(1.110.650.341)
40	<b>TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>	4.1	<b>(4.913.812.145)</b>	<b>(2.744.370.123)</b>
	<b>DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
42	Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		15.663.679	11.706.700
50	<b>TỔNG DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		<b>15.663.679</b>	<b>11.706.700</b>
	<b>CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>			
51	Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		(4.910.722)	(218.542.390)
60	<b>TỔNG CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>		<b>(4.910.722)</b>	<b>(218.542.390)</b>
62	<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>	4.2	<b>(10.295.041.723)</b>	<b>(15.346.292.134)</b>
70	<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>		<b>(6.592.031.391)</b>	<b>(5.976.309.189)</b>
	<b>THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>			
71	Thu nhập khác		29.833.321	55.312.177
72	Chi phí khác		(4.031.235)	(1.552.830)
80	<b>TỔNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHÁC</b>		<b>25.802.086</b>	<b>53.759.347</b>
90	<b>TỔNG LỖ KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>		<b>(6.566.229.305)</b>	<b>(5.922.549.842)</b>
91	Lỗ đã thực hiện		(6.566.229.305)	(5.922.549.842)
100	<b>CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)</b>		-	-
100.1	Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.3	-	-
200	<b>LỖ KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>		<b>(6.566.229.305)</b>	<b>(5.922.549.842)</b>



Đỗ Thị Phương Lan  
Người lập/  
Kế toán trưởng



Lee Ming How  
Tổng Giám đốc/  
Người đại diện theo pháp luật  
Ngày 14 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 39 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2021 VND	2021 VND
	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	Lỗ trước thuế TNDN		<b>(6.566.229.305)</b>	<b>(5.922.549.842)</b>
02	<b>Điều chỉnh cho các khoản:</b>		<b>1.209.618.202</b>	<b>502.996.021</b>
03	Khấu hao tài sản cố định		1.271.920.884	284.453.631
05	Lỗi chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện		-	218.542.390
08	Dự thu tiền lãi		(62.302.682)	-
30	<b>Lỗ hoạt động trước khi thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(5.356.611.103)</b>	<b>(5.419.553.821)</b>
32	Giảm các khoản đầu tư HTM		36.549.500.000	9.891.000.000
33	Tăng các khoản cho vay		(16.141.667.849)	-
36	Giảm các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		76.380.634	163.786.587
37	Tăng các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		(7.471.122)	(1.272.658)
39	Giảm/(tăng) các khoản phải thu khác		2.313.880.000	(1.479.289.600)
40	Giảm các tài sản khác		23.984.998	221.336.240
42	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(88.984.298)	218.333.608
43	Thuế TNDN đã nộp		-	(542.215.968)
45	Tăng phải trả cho người bán		198.320.805	364.532.670
47	Tăng/(giảm) thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)		33.162.619	(12.996.356)
48	Giảm phải trả người lao động		549.749.945	-
50	(Giảm)/tăng các khoản phải trả khác		(3.609.828.700)	4.167.081.425
60	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>14.540.415.929</b>	<b>7.570.742.127</b>
	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(6.704.712.500)	(6.065.954.378)
70	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(6.704.712.500)</b>	<b>(6.065.954.378)</b>
90	<b>Tăng tiền thuần trong năm</b>		<b>7.835.703.429</b>	<b>1.504.787.749</b>
101	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>		<b>3,268,719,056</b>	<b>1.763.931.307</b>
101.1	Tiền	3.1	3.268.719.056	1.763.931.307
103	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>		<b>11,104,422,485</b>	<b>3.268.719.056</b>
103.1	Tiền	3.1	6.604.422.485	3.268.719.056
103.2	Các khoản tương đương tiền		4.500.000.000	-

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 39 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
(tiếp theo)

**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2021 VND	2020 VND
	<b>Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>		
01	Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	99.095.971.477	35.295.028.318
02	Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	(123.830.720.974)	(30.380.869.700)
07	Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	74.256.525.873	1.551.806.441
08	Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	(44.314.858.620)	(5.771.705.666)
<b>20</b>	<b>Tăng tiền thuần trong năm</b>	<b>5.206.917.756</b>	<b>694.259.393</b>
	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng</b>	<b>1.562.308.614</b>	<b>868.049.221</b>
31	Tiền gửi ngân hàng	1.562.308.614	868.049.221
32	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	1.445.560.614	735.659.221
33	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	116.748.000	132.390.000
<b>40</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng</b>	<b>6.769.226.370</b>	<b>1.562.308.614</b>
41	Tiền gửi ngân hàng	6.769.226.370	1.562.308.614
42	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	5.544.569.370	1.445.560.614
43	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	1.224.657.000	116.748.000

Đỗ Thị Phương Lan  
Người lập/  
Kế toán trưởng



Lee Ming How  
Tổng Giám đốc/  
Người đại diện theo pháp luật  
Ngày 14 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 39 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Tại ngày		Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020		Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021		Tại ngày	
	1/1/2020	1/1/2021	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	31/12/2020	31/12/2021
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.000.000.000	135.000.000.000	-	-	-	-	135.000.000.000	135.000.000.000
3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	2.472.755.351	2.472.755.351	-	-	-	-	2.472.755.351	2.472.755.351
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	2.472.755.351	2.472.755.351	-	-	-	-	2.472.755.351	2.472.755.351
8. Lợi nhuận chưa phân phối	44.509.596.301	38.587.046.459	-	(5.922.549.842)	-	(6.566.229.305)	38.587.046.459	32.020.817.154
8.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	44.509.596.301	38.587.046.459	-	(5.922.549.842)	-	(6.566.229.305)	38.587.046.459	32.020.817.154
<b>Tổng cộng</b>	<b>184.455.107.003</b>	<b>178.532.557.161</b>	<b>-</b>	<b>(5.922.549.842)</b>	<b>-</b>	<b>(6.566.229.305)</b>	<b>178.532.557.161</b>	<b>171.966.327.856</b>



Đỗ Thị Phương Lan  
Người lập/  
Kế toán trưởng



Lee Ming How  
Tổng Giám đốc/  
Người đại diện theo pháp luật  
Ngày 14 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 39 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

***Giấy phép Thành lập và Hoạt động***

Công ty TNHH Chứng khoán RHB Việt Nam (“Công ty”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103014784 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 11 năm 2006 và Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 21/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 8 tháng 12 năm 2006. Giấy phép Thành lập và Hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất số 59/GPĐC-UBCK được cấp ngày 10 tháng 9 năm 2020.

Chủ sở hữu của Công ty là RHB Investment Bank Berhad, một công ty được thành lập tại Malaysia. Chi tiết về tỷ lệ phần trăm góp vốn của Công ty được trình bày ở Thuyết minh 3.8.

***Trụ sở chính***

Tầng 15, Tòa nhà IDMC Mỹ Đình, 15 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam.

***Điều lệ hoạt động***

Điều lệ hoạt động mới nhất của Công ty được chủ sở hữu của Công ty thông qua và có hiệu lực từ ngày 30 tháng 12 năm 2021.

***Số lượng nhân viên***

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 26 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 22 nhân viên).

***Quy mô vốn***

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103014784 đề ngày 27 tháng 11 năm 2006, vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 9.000.000.000 Đồng Việt Nam. Sau đó, theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 184/UBCK-GP đề ngày 20 tháng 1 năm 2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, vốn điều lệ của Công ty là 135.000.000.000 Đồng Việt Nam và đã được góp đủ.

***Mục tiêu đầu tư và hạn chế đầu tư***

Danh mục đầu tư của Công ty và các hạn chế đầu tư phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Công ty và pháp luật chứng khoán hiện hành.

***Hoạt động chính***

Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và hoạt động tự doanh chứng khoán.

***Thông tin khác***

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư 210/2014/TT-BTC đề ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210/2014/TT-BTC”), Thông tư 334/2016/TT-BTC đề ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334/2016/TT-BTC”), Công văn 6190/BTC-CĐKT đề ngày 12 tháng 5 năm 2017 (“Công văn 6190/BTC-CĐKT”) và Thông tư 23/2018/TT-BTC đề ngày 12 tháng 3 năm 2018 (“Thông tư 23/2018/TT-BTC”) do Bộ Tài chính ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”) và tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”) được đo lường và ghi nhận theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).

**2.2 Ước tính kế toán trọng yếu**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam yêu cầu Người đại diện theo pháp luật phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu và việc trình bày các khoản nợ phải trả và tài sản tiềm tàng tại ngày báo cáo, cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính bao gồm thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định (Thuyết minh 2.9).

**2.3 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng phần mềm kế toán theo hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

**2.4 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”), cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) đề ngày 22 tháng 12 năm 2014. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày báo cáo lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày báo cáo. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày báo cáo được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

**2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba (3) tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có thể chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

**2.7 Tài sản tài chính**

**(a) Phân loại và đo lường**

**(i) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

Tài sản tài chính FVTPL là các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh hoặc do Người đại diện pháp luật xác định từ ban đầu là được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Một tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn; hoặc
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu nó là một phần của một danh mục các công cụ tài chính cụ thể được quản lý và có bằng chứng về việc kinh doanh danh mục đó để nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Nó là một công cụ phái sinh (ngoại trừ các công cụ phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.7 Tài sản tài chính (tiếp theo)****(a) Phân loại và đo lường (tiếp theo)****(i) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”) (tiếp theo)**

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Người đại diện pháp luật sẽ xác định một tài sản tài chính là tài sản tài chính FVTPL nếu việc phân loại này sẽ làm các thông tin về tài sản tài chính được trình bày một cách hợp lý hơn vì một trong các lý do sau đây:

- Nó loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị (còn được gọi là sự “không thống nhất kế toán”) mà sự không thống nhất này có thể bắt nguồn từ việc xác định giá trị của các tài sản hoặc ghi nhận lãi hoặc lỗ theo các cơ sở khác nhau; hoặc
- Một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý của nó được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị hợp lý và phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư đã được quy định và thông tin về nhóm tài sản này được cung cấp nội bộ cho những người quản lý quan trọng của Công ty (được nêu rõ trong Chuẩn mực Kế toán – Thuyết minh về các bên liên quan), ví dụ như Hội đồng Thành viên và Tổng Giám đốc, cổ đông lớn của Công ty.

Tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá mua không bao gồm các chi phí mua. Các chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá trị thị trường). Các khoản đầu tư vào công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị không thể xác định một cách đáng tin cậy sẽ được phản ánh theo giá gốc.

Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc thay đổi giá trị của các tài sản tài chính này được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động.

**(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (“HTM”)**

Các khoản đầu tư HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh mà:

- Việc hoàn trả là cố định hay xác định được;
- Ngày đáo hạn là cố định;
- Công ty có ý định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư HTM không bao gồm:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (“AFS”); và
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này, sau đó ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực (“EIR”).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.7 Tài sản tài chính (tiếp theo)****(a) Phân loại và đo lường (tiếp theo)****(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (“HTM”) (tiếp theo)**

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng (hoặc trừ) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Tại ngày báo cáo, các khoản đầu tư HTM được trích lập dự phòng khi có bất kỳ bằng chứng khách quan nào về việc suy giảm giá trị hoặc khả năng không thu hồi được do một số sự kiện xảy ra sau thời điểm ghi nhận ban đầu gây ảnh hưởng đến dòng tiền ước tính trong tương lai của các khoản đầu tư HTM. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm:

- Khó khăn trọng yếu về tài chính của tổ chức phát hành hoặc tổ chức giao ước;
- Vi phạm hợp đồng, ví dụ như mất khả năng trả nợ hoặc không thanh toán lãi hoặc gốc đúng hạn;
- Công ty đã đưa ra một số ưu đãi nhượng bộ cho bên đi vay, vì lý do kinh tế hoặc pháp luật liên quan đến khó khăn tài chính của bên đi vay, mà Công ty không thể xem xét hơn được;
- Khả năng phá sản hoặc tái cơ cấu tài chính của bên đi vay là cao;
- Các dữ liệu thu thập được cho thấy có sự suy giảm đo lường được của dòng tiền ước tính trong tương lai phát sinh từ một nhóm các khoản đầu tư HTM kể từ khi ghi nhận ban đầu, mặc dù sự suy giảm đó chưa được xác định cụ thể đối với từng tài sản riêng lẻ trong nhóm, bao gồm:
  - (i) Những thay đổi tiêu cực trong tình hình trả nợ của những người vay trong cùng một nhóm; hoặc
  - (ii) Các điều kiện kinh tế trong nước hoặc địa phương có mối liên quan tới mất khả năng thanh toán đối với các khoản đầu tư HTM trong nhóm.

Mức trích lập dự phòng suy giảm giá trị được xác định bằng chênh lệch của giá trị có thể thu hồi ước tính và giá trị ghi sổ của khoản đầu tư HTM tại ngày báo cáo. Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư HTM được ghi nhận tăng/(giảm) chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Các khoản đầu tư HTM được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư này tại ngày báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.7 Tài sản tài chính (tiếp theo)****(a) Phân loại và đo lường (tiếp theo)****(iii) Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoạt động.

Trong năm báo cáo, Công ty có các khoản cho vay bao gồm:

- Cho vay giao dịch ký quỹ: là số tiền tài trợ cho nhà đầu tư mua chứng khoán niêm yết trên cơ sở giao dịch ký quỹ theo Quyết định 87/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 25 tháng 1 năm 2017. Theo quy định này, tỷ lệ ký quỹ ban đầu (tỷ lệ giá trị tài sản thực có so với giá trị chứng khoán dự kiến mua được bằng lệnh giao dịch ký quỹ tính theo giá thị trường tại thời điểm giao dịch) do công ty chứng khoán quy định nhưng không được thấp hơn 50%. Số dư cho vay ký quỹ được đảm bảo bởi chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Công ty chứng khoán được phép quy định tỷ lệ ký quỹ duy trì (là tỷ lệ tối thiểu giữa tài sản thực có so với giá trị tổng tài sản trên tài khoản giao dịch ký quỹ) nhưng không được thấp hơn 30%.
- Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán: là số tiền ứng trước cho nhà đầu tư có giao dịch bán chứng khoán tại ngày giao dịch. Các khoản ứng trước này có thời hạn hoàn trả trong vòng hai (2) ngày giao dịch

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực ("EIR").

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng (hoặc trừ) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Tại ngày báo cáo, các khoản cho vay được trích lập dự phòng khi có bằng chứng về việc suy giảm giá trị. Mức trích lập dự phòng suy giảm giá trị được xác định bằng chênh lệch của giá trị thị trường của tài sản đảm bảo và giá trị ghi sổ của khoản cho vay tại ngày báo cáo. Dự phòng/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay được ghi nhận tăng/giảm chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

**(iv) Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS")**

Các tài sản tài chính AFS bao gồm các tài sản tài chính phi phái sinh mà không được phân loại là FVTPL, HTM, khoản cho vay hay phải thu.

Tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc mua các tài sản tài chính này. Tại ngày báo cáo, tài sản tài chính AFS được trình bày theo giá trị hợp lý.

Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ tài sản tài chính AFS khi đánh giá theo giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu (thu nhập toàn diện khác), thông qua việc ghi nhận trên báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, ngoại trừ các khoản lỗ do suy giảm giá trị tài sản tài chính AFS. Việc ghi nhận như vậy sẽ tiếp tục cho đến khi tài sản tài chính được dừng ghi nhận.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.7 Tài sản tài chính (tiếp theo)****(a) Phân loại và đo lường (tiếp theo)****(iv) Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”) (tiếp theo)**

Tại thời điểm dừng ghi nhận, các khoản lãi hoặc lỗ lũy kế trước đây đã được phản ánh vào vốn chủ sở hữu sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động như là các điều chỉnh do phân loại lại. Các khoản lãi được tính theo phương pháp lãi suất thực sẽ được ghi nhận vào lãi/lỗ theo quy định của Chuẩn mực Kế toán về doanh thu.

Tại ngày báo cáo, Công ty không nắm giữ tài sản tài chính AFS.

**(b) Phân loại lại****(i) Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL**

Khi bán các tài sản tài chính không thuộc nhóm tài sản tài chính FVTPL, Công ty phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các nhóm tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL trước khi bán. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS lũy kế trong vốn chủ sở hữu sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động như là các điều chỉnh do phân loại lại.

**(ii) Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ**

Công ty được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến ngày đáo hạn (“HTM”) không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”) và phải được định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào lãi/lỗ trên báo cáo kết quả hoạt động như là các điều chỉnh do phân loại lại.

**(c) Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận**

Việc mua và bán các tài sản tài chính được ghi nhận theo ngày giao dịch – là ngày Công ty trở thành một bên tham gia trong các điều khoản hợp đồng của công cụ tài chính.

Các tài sản tài chính được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các tài sản tài chính đã hết hạn hoặc về bản chất Công ty đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu các tài sản tài chính đó.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba, nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chưa chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.7 Tài sản tài chính (tiếp theo)****(d) Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá mua không bao gồm chi phí mua. Các tài sản tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này.

Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các tài sản tài chính với giá trị bằng không (0).

**(e) Căn cứ xác định giá trị thị trường/giá trị hợp lý**

Công ty áp dụng nguyên tắc định giá tài sản tài chính theo Thông tư 91/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2020 về chỉ tiêu an toàn tài chính của tổ chức kinh doanh chứng khoán và Thông tư 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 về quy chế tài chính của công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ để làm căn cứ xác định giá trị thị trường/giá trị hợp lý, cụ thể như sau:

**(i) Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh**

Các cổ phiếu này được đánh giá lại căn cứ vào giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất tính đến ngày định giá.

**(ii) Cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCoM”)**

Các cổ phiếu này được đánh giá lại căn cứ vào giá đóng cửa bình quân tại ngày có giao dịch gần nhất tính đến ngày định giá.

**(iii) Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (“VSD”)**

Các cổ phiếu này được đánh giá lại theo giá trị trung bình của các giao dịch dựa trên giá giao dịch trong báo giá của tối thiểu ba (3) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá nhưng không quá một (1) tháng tính đến ngày định giá. Người quản lý, điều hành của đơn vị được lựa chọn báo giá và người quản lý, điều hành của đơn vị nhận báo giá không phải là người có liên quan theo quy định của Luật Chứng khoán.

**(iv) Trái phiếu niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán**

Các trái phiếu này được định giá căn cứ vào giá niêm yết (giá sạch) trên hệ thống giao dịch tại sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày đánh giá lại cộng lãi lũy kế. Các trái phiếu không có giao dịch trong nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày định giá sẽ được trình bày theo giá mua cộng lãi lũy kế.

**(v) Trái phiếu không niêm yết**

Trái phiếu không niêm yết được đánh giá lại theo giá mua cộng lãi lũy kế.

**(vi) Chứng chỉ quỹ mở/quỹ (“ETF”)**

Các chứng chỉ quỹ mở/quỹ ETF được đánh giá lại theo giá trị tài sản ròng trên một (1) chứng chỉ quỹ tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày định giá.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.7 Tài sản tài chính (tiếp theo)****(e) Căn cứ xác định giá trị thị trường/giá trị hợp lý (tiếp theo)**

(vii) Chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi

Các chứng khoán này được định giá dựa trên giá trị sổ sách tại ngày báo cáo gần nhất.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán không thuộc các nhóm nêu trên sẽ được dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá lại.

**(f) Hạch toán lãi/(lỗ)****Chi phí mua**

Chi phí mua liên quan đến tài sản tài chính FVTPL được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động. Chi phí mua liên quan đến tài sản tài chính khác được hạch toán vào giá gốc của tài sản.

**Chi phí bán**

Chi phí giao dịch bán các tài sản tài chính được hạch toán vào chi phí hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động.

**Lãi/(lỗ) từ việc thanh lý, nhượng bán**

Lãi/(lỗ) từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính được hạch toán vào doanh thu/(chi phí) hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại thời điểm bán/tính đến cuối ngày giao dịch.

**Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) suy giảm giá trị tài sản tài chính**

Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) suy giảm giá trị tài sản tài chính được ghi tăng/(giảm) chi phí hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động.

**2.8 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu bao gồm những khoản phải thu bán các tài sản tài chính, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính, phải thu phí dịch vụ cung cấp, phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán và các khoản phải thu khác. Các khoản phải thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) phát sinh trong năm được hạch toán tăng/(giảm) chi phí hoạt động trong báo cáo kết quả hoạt động.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.9 Tài sản cố định**

*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

*Khấu hao*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau

Vật kiến trúc	3 – 10 năm
Máy móc, thiết bị	3 – 5 năm
Phương tiện vận tải	5 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
Phần mềm quản lý	3 – 10 năm

*Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

**2.10 Thuê tài sản**

Việc thuê tài sản mà bên cho thuê chuyển giao quyền sở hữu vào cuối thời hạn thuê và chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu tài sản cho bên thuê thì được hạch toán là thuê tài chính.

Thuê tài chính được ghi nhận là tài sản tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản với giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cho thuê và giá trị hiện tại thuần của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khoản thanh toán tiền thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc để duy trì một tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ thuê tài chính. Khoản phải trả nợ gốc không bao gồm chi phí tài chính, được hạch toán giảm nợ phải trả.

Chi phí tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng ước tính của tài sản và thời gian thuê. Tuy nhiên, nếu có sự chắc chắn hợp lý rằng bên thuê sẽ có quyền sở hữu ở cuối thời hạn thuê thì khấu hao sẽ được dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào chi phí hoạt động trong báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.11 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ và công cụ, dụng cụ không đáp ứng tiêu chuẩn để hạch toán là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**2.12 Ký quỹ, ký cược ngắn hạn/dài hạn**

Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn/dài hạn được ghi nhận khi Công ty thanh toán khoản tiền ký quỹ, ký cược theo điều khoản hợp đồng và được phân loại là tài sản ngắn hạn/dài hạn khác.

**2.13 Nợ phải trả****(a) Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận**

Nợ phải trả được ghi nhận khi Công ty phát sinh nghĩa vụ từ việc nhận về một tài sản, tham gia một cam kết hoặc phát sinh các nghĩa vụ pháp lý khi ký kết hợp đồng giao dịch. Nợ phải trả được chấm dứt ghi nhận khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ phát sinh. Các khoản phải trả được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và thận trọng.

**(b) Phân loại**

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào loại nghiệp vụ phát sinh bao gồm:

- Phải trả liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán gồm các số dư với Trung tâm Thanh toán Bù trừ và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán;
- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**2.14 Thuế thu nhập của nhà đầu tư**

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, đối với nhà đầu tư tổ chức nước ngoài, Công ty có trách nhiệm giữ lại 0,1% số tiền giao dịch để nộp thuế nhà thầu thay cho nhà đầu tư. Đối với nhà đầu tư cá nhân (kể cả cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú), Công ty cần giữ lại 0,1% số tiền giao dịch để nộp thuế thu nhập cá nhân thay cho nhà đầu tư. Công ty sẽ kê khai và nộp thuế cho các nhà đầu tư. Đối với nhà đầu tư tổ chức trong nước, Công ty không giữ lại tiền thuế trên số tiền giao dịch mà chính các tổ chức trong nước này tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập này. Theo nghị định 126/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Quản lý thuế, Công ty thực hiện khai thuế thay và nộp thuế thay cho cá nhân nhận cổ tức bằng chứng khoán; cá nhân là cổ đông hiện hữu nhận thưởng bằng chứng khoán; cá nhân được ghi nhận phần vốn tăng thêm do lợi tức ghi tăng vốn; và cá nhân góp vốn bằng bất động sản, phần vốn góp, và chứng khoán.

**2.15 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và được ghi nhận vào chi phí trong năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.16 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể dẫn đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí hoạt động trong năm.

**2.17 Vốn chủ sở hữu**

**(a) Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp.

**(b) Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ**

Theo Thông tư 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014, Công ty phải trích lập quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ở mức 5% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty cho mỗi quỹ vào mỗi năm Công ty có lợi nhuận cho đến khi mỗi quỹ này đạt 10% vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập để sử dụng bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi được bù đắp bằng tiền bồi thường của tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất và của tổ chức bảo hiểm, sử dụng quỹ bảo vệ nhà đầu tư và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí.

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập để bổ sung vốn điều lệ.

**(c) Lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả hoạt động sau thuế TNDN của Công ty tại ngày báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện từ các giao dịch đã phát sinh lũy kế đến ngày lập báo cáo tài chính.

Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động và thuế TNDN hoãn lại trên kết quả đánh giá lại đó.

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.18 Tài sản của và nợ phải trả khách hàng**

Tài sản của và nợ phải trả khách hàng được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính bao gồm:

- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi của tổ chức phát hành và nợ phải trả tương ứng; và
- Tài sản tài chính của nhà đầu tư.

**2.19 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác****(a) Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư**

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư bao gồm phí môi giới chứng khoán, phí tư vấn đầu tư chứng khoán và phí lưu ký chứng khoán.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày báo cáo; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm các khoản giảm giá dịch vụ đã cung cấp. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ cung cấp dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau ngày báo cáo nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

**(b) Thu nhập trên vốn kinh doanh**

Thu nhập trên vốn kinh doanh bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ các khoản đầu tư HTM, lãi thu được từ các hợp đồng giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán. Các khoản thu nhập này được ghi nhận theo phương pháp dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**(c) Thu nhập khác**

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập không thường xuyên phát sinh từ các hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.20 Chi phí**

**(a) Ghi nhận**

Chi phí hoạt động được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

**(b) Phân loại**

Chi phí của Công ty được phân loại theo chức năng như sau:

- Chi phí hoạt động;
- Chi phí tài chính;
- Chi phí quản lý; và
- Chi phí khác.

**2.21 Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh những khoản doanh thu từ hoạt động đầu tư phát sinh trong năm bao gồm lãi phát sinh tiền gửi ngân hàng và lãi do chênh lệch tỷ giá hối đoái.

**2.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của chủ yếu bao gồm chi phí nhân viên, chi phí khấu hao, chi phí tư vấn, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí quản lý khác.

**2.23 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại**

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế TNDN của năm báo cáo. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận nếu phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày báo cáo.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**
**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**
**2.24 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Thành viên và Tổng Giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.25 Số dư bằng không**

Các khoản mục được quy định trong Thông tư 334/2016/TT-BTC, Công văn 6190/BTC-CĐKT và Thông tư 23/2018/TT-BTC không được thể hiện trong báo cáo tài chính riêng này được hiểu là có số liệu bằng không.

**3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**
**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Tiền mặt	40.428.677	22.204.785
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty	6.563.993.808	3.246.514.271
Các khoản tương đương tiền (*)	4.500.000.000	-
	<u>11.104.422.485</u>	<u>3.268.719.056</u>

(\*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng.

**3.2 Danh mục tài sản tài chính**
**(a) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (“HTM”)**

	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
<b>Tiền gửi có kỳ hạn còn lại từ trên 3 tháng đến 1 năm (*)</b>		
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	85.000.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam	133.300.000.000	70.186.000.000
Ngân hàng TNHH MTV CIMB Việt Nam	-	14.663.500.000
	<u>133.300.000.000</u>	<u>169.849.500.000</u>

(\*) Bao gồm các hợp đồng tiền gửi với lãi suất dao động từ 4,7%/năm đến 5,15%/năm (31 tháng 12 năm 2020: từ 4,89%/năm đến 7,16%/năm).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**
**3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****3.2 Danh mục tài sản tài chính (tiếp theo)****(b) Các khoản cho vay**

	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Cho vay ký quỹ (i)	13.958.228.582	-
Ứng trước tiền bán chứng khoán (ii)	2.183.439.267	-
	16.141.667.849	-
	16.141.667.849	-

*(i) Cho vay ký quỹ*

Đây là số tiền cho nhà đầu tư vay để mua chứng khoán trên cơ sở giao dịch ký quỹ theo Quyết định 87/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 25 tháng 1 năm 2017. Chứng khoán của khách hàng tham gia vào giao dịch ký quỹ được Công ty nắm giữ như tài sản đảm bảo cho khoản vay.

Giá trị thị trường của tổng tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 32.954.680.400 đồng.

*(ii) Ứng trước tiền bán chứng khoán*

Đây là số tiền bán chứng khoán ứng trước cho nhà đầu tư tại ngày giao dịch (“ứng tiền ngày T”). Các khoản tạm ứng này có thời hạn hoàn trả trong vòng hai (2) ngày làm việc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

## 3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 3.3 Tài sản cố định

## (a) Tài sản cố định hữu hình

	Vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	2.106.316.687	6.952.955.761	1.104.389.000	483.098.856	10.646.760.304
Mua mới trong năm	-	34.512.500	-	-	34.512.500
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>2.106.316.687</u>	<u>6.987.468.261</u>	<u>1.104.389.000</u>	<u>483.098.856</u>	<u>10.681.272.804</u>
<b>Khấu hao lũy kế</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	(1.223.454.069)	(3.354.143.133)	(1.104.389.000)	(483.098.856)	(6.165.085.058)
Khấu hao trong năm	(98.089.764)	(417.158.534)	-	-	(515.248.298)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>(1.321.543.833)</u>	<u>(3.771.301.667)</u>	<u>(1.104.389.000)</u>	<u>(483.098.856)</u>	<u>(6.680.333.356)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	<u>882.862.618</u>	<u>3.598.812.628</u>	-	-	<u>4.481.675.246</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u><u>784.772.854</u></u>	<u><u>3.216.166.594</u></u>	-	-	<u><u>4.000.939.448</u></u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 6.097.685.926 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 5.912.158.826 Đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

## 3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 3.3 Tài sản cố định (tiếp theo)

## (b) Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm VND
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	3.797.793.800
Mua mới trong năm (*)	6.943.760.000
Xóa sổ (Thuyết minh 4.1)	(273.560.000)
	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	10.467.993.800
	<hr/>
<b>Khấu hao lũy kế</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	(1.890.830.464)
Khấu hao trong năm	(763.509.622)
Xóa sổ	6.837.036
	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	(2.647.503.050)
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	1.906.963.336
	<hr/> <hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	7.820.490.750
	<hr/> <hr/>

(\*) Nguyên giá của Phần mềm giao dịch chứng khoán Flex được đưa vào sử dụng trong năm 2021.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 1.769.913.800 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 1.769.913.800 Đồng).

## 3.4 Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

Theo Quyết định 45/QĐ-VSD đề ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ với số tiền ban đầu là 120.000.000 Đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm đóng thêm số tiền là 0,01% của tổng giá trị chứng khoán đã giao dịch và môi giới trong năm trước nhưng không quá 2.500.000.000 Đồng/năm. Mức đóng góp tối đa vào Quỹ hỗ trợ thanh toán là 20.000.000.000 Đồng.

	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	102.415.609	102.415.609
Tiền lãi nhận được	126.455.831	122.440.829
	<hr/>	<hr/>
	348.871.440	344.856.438
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**
**3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**
**3.5 Thuế và các khoản khác phải thu/phải nộp Nhà nước**

Biến động về thuế và các khoản khác phải thu/nộp Nhà nước trong năm như sau:

**a) Thuế và các khoản khác phải thu Ngân sách Nhà nước**

	Tại ngày 1/1/2021 VND	Số phát sinh tăng trong năm VND	Số đã thực thu trong năm VND	Tại ngày 31/12/2021 VND
Thuế TNDN – hiện hành	9.443.816	-	-	9.443.816

**b) Thuế và các khoản khác phải nộp Ngân sách Nhà nước**

	Tại ngày 1/1/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại ngày 31/12/2021
Thuế thu nhập cá nhân	82.019.027	977.300.219	(944.146.326)	115.172.920
Các loại thuế khác	-	43.326.977	(43.318.251)	8.726
	82.019.027	1.020.627.196	(987.464.577)	115.181.646

**3.6 Phải trả người lao động**

	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Chi phí tiền thưởng	1.315.486.367	782.391.304
Chi phí tiền lương	16.654.882	-
	1.332.141.249	782.391.304

**3.7 Các khoản phải trả khác ngắn hạn**

	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
RHB Investment Bank Berhad (Thuyết minh 6(b))	-	3.650.428.345
Khác	40.599.645	-
	40.599.645	3.650.428.345

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**
**3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**
**3.8 Vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2021		Vốn đã góp VND
	Vốn điều lệ VND	%	
RHB Investment Bank Berhad	135.000.000.000	100	135.000.000.000

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103014784 đề ngày 27 tháng 11 năm 2006, vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 9.000.000.000 Đồng Việt Nam. Sau đó, theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 184/UBCK-GP đề ngày 20 tháng 1 năm 2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, vốn điều lệ của Công ty tăng lên là 135.000.000.000 Đồng Việt Nam và đã được góp đủ.

**3.9 Lợi nhuận chưa phân phối**

	Tại ngày	
	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	32.020.817.154	38.587.046.459

Biến động của lợi nhuận chưa phân phối trong năm như sau:

	Số dư tại ngày 1/1/2021 VND	Lỗ trong năm VND	Số dư tại ngày 31/12/2021 VND
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	38.587.046.459	(6.566.229.305)	32.020.817.154

**4 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**
**4.1 Chi phí hoạt động**

	2021 VND	2020 VND
Chi phí môi giới chứng khoán	57.079.806	121.273.513
Chi phí khấu hao	1.062.537.184	24.000.000
Chi phí lưu ký chứng khoán	2.519.107	9.062.145
Chi phí viễn thông, đường truyền	900.231.182	1.037.710.756
Chi phí nhân viên	2.229.427.598	1.464.384.124
Chi phí dịch vụ đánh giá an toàn hệ thống	200.000.000	-
Điều chỉnh chi phí bảo trì (Thuyết minh 3.3(b))	273.560.000	-
Chi phí khác	188.457.268	87.939.585
	<u>4.913.812.145</u>	<u>2.744.370.123</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**
**4 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)****4.2 Chi phí quản lý công ty chứng khoán**

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	6.898.682.986	11.525.164.172
Chi phí khấu hao	246.211.475	260.453.631
Chi phí thuê	1.264.325.255	1.245.134.769
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	484.644.725	788.110.545
Chi phí vật liệu, văn phòng phẩm	92.497.680	457.046.589
Thuế và lệ phí	99.514.752	73.231.183
Chi phí khác	1.209.164.850	997.151.245
	<u>10.295.041.723</u>	<u>15.346.292.134</u>

**4.3 Chi phí thuế TNDN**

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2021 VND	2020 VND
Lỗi kế toán trước thuế	(6.566.229.305)	(5.922.549.842)
Thuế tính ở thuế suất 20%:	(1.313.245.861)	(1.184.509.968)
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ thuế	149.573.911	879.256.999
Lỗi tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại	1.163.671.950	305.252.969
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	-	-

(\*) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

Năm tài chính phát sinh lỗ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Số lỗ phát sinh VND	Số lỗ tính thuế đã được sử dụng VND	Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau VND
Từ 1.1.2020 đến 31.12.2020	Chưa quyết toán	305.252.969	-	305.252.969
Từ 1.1.2021 đến 31.12.2021	Chưa quyết toán	944.532.346	-	944.532.346

Công ty không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế trên vì khả năng Công ty có thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá là không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

## 5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

## 5.1 Chi tiết biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	135.000.000.000	2.472.755.351	2.472.755.351	44.509.596.301	184.455.107.003
Lỗi thuần trong năm	-	-	-	(5.922.549.842)	(5.922.549.842)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	135.000.000.000	2.472.755.351	2.472.755.351	38.587.046.459	178.532.557.161
Lỗi thuần trong năm	-	-	-	(6.566.229.305)	(6.566.229.305)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	135.000.000.000	2.472.755.351	2.472.755.351	32.020.817.154	171.966.327.856



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**7 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**(a) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các tài sản tài chính, các khoản phải thu và tài sản khác.

*Số dư với ngân hàng*

Số dư với ngân hàng bao gồm tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn và lãi dự thu.

Tất cả các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các tổ chức tín dụng có bậc tín nhiệm cao. Số dư với ngân hàng được theo dõi thường xuyên theo chính sách của Công ty và báo cáo định kỳ cho Người đại diện theo pháp luật. Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các số dư với ngân hàng là thấp.

*Ứng trước tiền bán chứng khoán*

Ứng trước tiền bán chứng khoán được thu hồi trực tiếp từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh được yêu cầu nộp vào đơn vị này.

Trung tâm Lưu ký Chứng khoán là một đơn vị thuộc sở hữu Nhà nước và chưa từng rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán.

Trung tâm Lưu ký Chứng khoán yêu cầu các thành viên phải nộp tiền vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán và Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh để đảm bảo khả năng thanh toán.

Công ty chứng khoán chỉ được nhận lệnh mua hoặc bán chứng khoán của khách hàng khi có đủ một trăm phần trăm (100%) tiền hoặc chứng khoán và phải có các biện pháp cần thiết để đảm bảo khả năng thanh toán của khách hàng khi lệnh giao dịch được thực hiện.

Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, không có số dư nào với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán bị quá hạn mà chưa thu hồi bị suy giảm giá trị.

*Hợp đồng giao dịch ký quỹ*

Hợp đồng giao dịch ký quỹ được đảm bảo bằng chứng khoán niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Theo pháp luật chứng khoán hiện hành, mức cho vay ký quỹ tối đa là 50% giá trị chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Danh sách chứng khoán không được phép giao dịch ký quỹ được cập nhật thường xuyên bởi các sở giao dịch chứng khoán. Danh sách chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ được phê duyệt và cập nhật thường xuyên bởi Bộ phận quản trị rủi ro giao dịch ký quỹ dựa trên một số tiêu chí bao gồm biến động giá và tính thanh khoản.

Bộ phận Quản trị rủi ro có nhiệm vụ liên tục rà soát báo cáo giao dịch ký quỹ bao gồm dư nợ, giá trị tài sản đảm bảo và tỷ lệ ký quỹ duy trì. Khi tỷ lệ ký quỹ duy trì giảm xuống thấp hơn tỷ lệ Công ty quy định là 46% (tỷ lệ này được xây dựng theo quy định nội bộ và không thấp hơn tỷ lệ 30% theo luật định), hệ thống thông tin của Công ty sẽ cảnh báo và Công ty xuất lệnh yêu cầu khách hàng ký quỹ bổ sung. Khi tỷ lệ ký quỹ duy trì giảm xuống thấp hơn 30%, Công ty buộc phải thanh lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Giá trị thị trường của tổng tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 32.954.680.400 Đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**
**7 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**
**(a) Rủi ro tín dụng (tiếp theo)**
*Hợp đồng giao dịch ký quỹ (tiếp theo)*

Theo pháp luật chứng khoán hiện hành, mức cho vay ký quỹ tối đa đối với một cá nhân hoặc một tổ chức là 3% vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, không có khoản cho vay ký quỹ nào vượt quá 3% vốn chủ sở hữu của Công ty.

*Các khoản phải thu và tài sản khác*

Công ty giới hạn rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với đối tác có độ tín nhiệm cao và yêu cầu các biện pháp đảm bảo khi cần thiết.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, không có khoản phải thu nào chiếm trên 10% vốn chủ sở hữu của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, các khoản phải thu đều chưa quá hạn và không bị suy giảm giá trị.

*Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro tín dụng*

	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Tiền gửi ngân hàng (Thuyết minh 3.1)	6.563.993.808	3.246.514.271
Các khoản tương đương tiền (Thuyết minh 3.1)	4.500.000.000	-
Các khoản đầu tư HTM (Thuyết minh 3.2(a))	133.300.000.000	169.849.500.000
Các khoản cho vay (Thuyết minh 3.2(b))	16.141.667.849	-
Các khoản phải thu	436.851.616	443.458.446
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán (Thuyết minh 3.4)	348.871.440	344.856.438
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251.479.841	251.479.841
<b>Tổng giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro tín dụng</b>	<b>161.542.864.554</b>	<b>174.135.808.996</b>

**(b) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá cổ phiếu.

Công ty quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc phân tích độ nhạy của các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Công ty, đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định và thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi cần thiết.

- Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo lãi suất thị trường. Công ty có rủi ro lãi suất chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có các mức lãi suất sao cho có lợi nhất cho mục đích của Công ty mà vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro. Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty đều có lãi suất cố định nên rủi ro do lãi suất biến động là không đáng kể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

## 7 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## (b) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

- Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi cần thiết.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020, Công ty không chịu ảnh hưởng của rủi ro về giá cổ phiếu vì không ty không nắm giữ tài sản tài chính FVTPL.

- Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty quản lý rủi ro tiền tệ bằng cách thường xuyên theo dõi tình hình tỷ giá và cập nhật kế hoạch dòng tiền bằng ngoại tệ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020, Công ty không chịu rủi ro tiền tệ vì Công ty không thực hiện giao dịch bằng đơn vị tiền tệ khác ngoài Đồng Việt Nam, đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty.

## (c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là duy trì một danh mục tài sản có tính thanh khoản cao nhằm đảm bảo khả năng đáp ứng các yêu cầu thanh toán trong ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây liệt kê các khoản nợ tài chính của Công ty theo dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu có thời hạn dưới một năm:

	<b>Dưới 1 năm VND</b>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>	
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	16.359.424
Phải trả người bán ngắn hạn	556.410.147
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	40.599.645
	<hr/>
Tổng nợ phải trả tài chính	613.369.216
	<hr/> <hr/>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>	
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	2.048.981
Phải trả người bán ngắn hạn	372.399.785
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	3.650.428.345
	<hr/>
Tổng nợ phải trả tài chính	4.024.877.111
	<hr/> <hr/>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**
**7 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**
**(d) Chỉ tiêu an toàn tài chính**

Tỷ lệ vốn khả dụng là một thước đo đánh giá mức độ an toàn tài chính của Công ty, phản ánh khả năng của Công ty trong việc thanh toán nhanh các nghĩa vụ tài chính và khả năng bù đắp các loại rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty.

Tỷ lệ này được tính toán và trình bày trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty. Báo cáo này được lập định kỳ hàng tháng và tuân thủ theo quy định trong Thông tư 91/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2020 (“Thông tư 91/2020/TT-BTC”) có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2021. Thông tư 91/2020/TT-BTC quy định cách tính chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính. Theo Thông tư 91/2020/TT-BTC, Công ty quản trị và kiểm soát tỷ lệ vốn khả dụng không thấp hơn 180%.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty là 573,45% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 569,72%).

**8 CÁC CAM KẾT**
**(a) Cam kết thuê hoạt động**

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Đối với các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Dưới 1 năm	1.109.871.300	915.082.025
Từ 1 đến 5 năm	1.830.164.050	3.410.760.275
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.940.035.350</b>	<b>4.325.842.300</b>

**(b) Cam kết vốn**

Các cam kết về chi tiêu tạo lập TSCĐ đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Bản quyền phần mềm	-	5.326.720.000

**9 THÔNG TIN ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

Khối lượng và giá trị giao dịch thực hiện trong năm của Công ty như sau:

	<b>Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm Cổ phiếu</b>	<b>Giá trị giao dịch thực hiện trong năm VND</b>
<b>Của nhà đầu tư Cổ phiếu</b>	<b>8.641.315</b>	<b>223.928.737.500</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

10 VẤN ĐỀ KHÁC

Sự lan rộng của Covid-19 từ đầu năm 2020 là một tình huống khó khăn và thách thức đối với hoạt động của Công ty. Người đại diện theo pháp luật của Công ty đã thực hiện đánh giá về tác động chung của tình huống này đối với hoạt động của Công ty, bao gồm khả năng thu hồi giá trị ghi sổ của các tài sản, ghi nhận giá trị của các tài sản và nợ phải trả và cho rằng ảnh hưởng của Covid-19 là không trọng yếu đối với hoạt động của Công ty trong tương lai gần. Người đại diện theo pháp luật của Công ty sẽ tiếp tục theo dõi tình hình, có các hành động phù hợp và kịp thời để giảm thiểu tác động trong tương lai.

Báo cáo tài chính đã được Người đại diện theo pháp luật phê chuẩn ngày 14 tháng 3 năm 2022.



Đỗ Thị Lan Phương  
Kế toán trưởng/Người lập



Lee Ming How  
Tổng Giám đốc/  
Người đại diện theo pháp luật